

CÔNG ƯỚC VIÊN NĂM 1985 VỀ BẢO VỆ TẦNG ÔZÔN

LỜI MỞ ĐẦU

Các Bên ký Công ước này,

Nhận thấy: tác động tai hại tiềm tàng đến sức khoẻ con người và môi trường do sự biến đổi của tầng ôzôn,

Nhắc lại: những điều khoản thích hợp của tuyên bố của Hội nghị Liên hợp quốc về môi trường của con người và đặc biệt là nguyên tắc 21, trong đó nói rằng: “Phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và những nguyên tắc luật pháp quốc tế, các nước có toàn quyền khai thác tài nguyên của mình theo các chính sách môi trường của mình và có trách nhiệm bảo đảm rằng các hoạt động trong phạm vi pháp lý hoặc kiểm soát của mình không gây tổn hại cho môi trường của các nước khác hoặc của các khu vực bên ngoài giới hạn quyền tài phán quốc gia”,

Tính đến: các hoàn cảnh và những nhu cầu đặc biệt của các nước đang phát triển,

Chú ý: đến công tác và nghiên cứu tiến hành trong các tổ chức quốc tế cũng như quốc gia và đặc biệt là kế hoạch hành động thế giới về tầng ôzôn của Chương trình môi trường Liên hợp quốc,

Cũng chú ý: đến những biện pháp phòng ngừa để bảo vệ tầng ôzôn đã được tiến hành ở cấp quốc gia và quốc tế,

Biết rằng các biện pháp bảo vệ tầng ôzôn khỏi bị thay đổi do các hoạt động của con người đòi hỏi phải có sự hợp tác và hành động quốc tế và phải dựa trên những sự xem xét khoa học và kỹ thuật thích hợp,

Cũng biết rằng nhu cầu tiếp tục nghiên cứu và quan trắc có hệ thống để phát triển hơn nữa hiểu biết khoa học về tầng ôzôn và những ảnh hưởng có hại có thể có do sự biến đổi của nó,

Quyết định: bảo vệ sức khoẻ con người và môi trường chống lại những ảnh hưởng có hại do sự biến đổi của tầng ôzôn.

ĐÃ ĐỒNG Ý NHƯ SAU:

Điều 1

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Đối với những mục đích của Công ước này:

1. “Tầng ôzôn” có nghĩa là tầng ôzôn khí quyển bên trên tầng biên hành tinh.
2. “Những ảnh hưởng có hại” nghĩa là những biến đổi trong môi trường vật lý hoặc sinh vật, bao gồm những biến đổi trong khí hậu có ảnh hưởng tai hại đến sức khoẻ con người hoặc đến thành phần, khả năng phục hồi và sức sinh sản của các hệ sinh thái tự nhiên và có quản lý, hoặc các vật chất có ích cho nhân loại.
3. “Các công nghệ hoặc thiết bị thay thế” nghĩa là các công nghệ hoặc thiết bị mà khi sử dụng có thể giảm hoặc

khử có hiệu quả việc phát ra các chất có hoặc có thể có những ảnh hưởng có hại đến tầng ôzôn.

4. “Các chất thay thế” là các chất làm suy giảm, khử hoặc tránh những ảnh hưởng có hại đến tầng ôzôn.

5. “Các bên” là các Bên của Công ước này, trừ khi có giải thích khác trong văn bản.

6. “Tổ chức hợp nhất kinh tế khu vực” là tổ chức bao gồm các quốc gia có chủ quyền của một khu vực, có thẩm quyền về các vấn đề trong Công ước này hoặc các Nghị định thư của nó đã được uỷ quyền thích đáng phù hợp với các thủ tục nội bộ để ký, phê chuẩn, thừa nhận, tán thành hoặc tham gia vào các văn kiện liên quan.

7. “Các Nghị định thư” là các Nghị định thư của Công ước này.

Điều 2

NHỮNG NGHĨA VỤ CHUNG

1. Các Bên sẽ dùng những biện pháp thích hợp phù hợp với các điều khoản của Công ước này và của các Nghị định thư có hiệu lực mà họ đã tham gia để bảo vệ sức khỏe con người và môi trường chống lại những ảnh hưởng có hại phát sinh hoặc có thể phát sinh từ những hoạt động của con người làm thay đổi hoặc có thể làm thay đổi tầng ôzôn.

2. Ở đây, phù hợp với các phương tiện được quyền sử dụng và trong phạm vi khả năng của mình, các Bên sẽ:

a) Hợp tác bằng cách quan trắc có hệ thống, nghiên cứu và trao đổi thông tin để hiểu rõ và đánh giá tốt hơn

2

những ảnh hưởng của các hoạt động của con người đến tầng ôzôn và những ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường do biến đổi tầng ôzôn;

b) Chấp nhận các biện pháp pháp lý hoặc hành chính thích hợp và hợp tác trong việc phối hợp các chính sách thích hợp để kiểm soát, hạn chế, giảm bớt hoặc ngăn chặn những hoạt động của con người trong phạm vi quyền tài phán hoặc sự kiểm soát của mình nếu thấy rằng các hoạt động đó có hoặc có thể có những ảnh hưởng có hại do sự biến đổi hoặc có thể biến đổi tầng ôzôn.

c) Hợp tác trong việc hệ thống hoá các biện pháp, thủ tục và tiêu chuẩn đã nhất trí để thực hiện Công ước này, nhằm chấp nhận các Nghị định thư và các văn bản phụ lục;

d) Hợp tác với những cơ quan quốc tế có thẩm quyền để thi hành có hiệu quả Công ước này và các Nghị định thư mà họ tham gia.

3. Các điều khoản của Công ước này sẽ hoàn toàn không ảnh hưởng đến quyền của các Bên chấp thuận, phù hợp với luật quốc tế, những biện pháp trong nước bổ sung cho những biện pháp nói đến trong mục 1 và 2 ở trên, chúng cũng không ảnh hưởng đến những biện pháp bổ sung trong nước đã được một Bên nào đưa ra, miễn là những biện pháp đó không trái với những trách nhiệm của mình theo Công ước này.

4. Việc áp dụng điều khoản này sẽ dựa trên những xem xét khoa học và kỹ thuật thích hợp.

Điều 3

NGHIÊN CỨU VÀ QUAN TRẮC CÓ HỆ THỐNG

1. Các Bên đảm nhiệm, khi nào thích hợp, việc khởi xướng và hợp tác trực tiếp hoặc qua các cơ quan quốc tế có thẩm quyền, trong việc tiến hành các nghiên cứu và đánh giá khoa học về:

a) Các quá trình vật lý và hoá học có thể ảnh hưởng đến tầng ôzôn;

b) Sức khoẻ con người và các ảnh hưởng sinh học khác gây ra từ những biến đổi của tầng ôzôn, đặc biệt là những ảnh hưởng do những thay đổi trong bức xạ tử ngoại mặt trời có các ảnh hưởng sinh học (UV - B);

c) Những ảnh hưởng khí hậu do những biến đổi của tầng ôzôn;

d) Những ảnh hưởng do bất kỳ biến đổi nào của tầng ôzôn và bất kỳ biến đổi có tính chất hệ quả trong bức xạ UV-B đến các vật chất tự nhiên và tổng hợp có ích cho nhân loại;

e) Các chất, các thực tiễn, các quá trình và những hoạt động có thể ảnh hưởng đến tầng ôzôn, và những ảnh hưởng tích lũy của chúng;

f) Những chất và công nghệ thay thế;

g) Các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan; và như được nói rõ thêm trong các phụ lục I và II.

2. Khi thấy thích hợp, trực tiếp hoặc thông qua các cơ quan quốc tế có thẩm quyền và tính đến đầy đủ pháp lý quốc gia và các hoạt động hiện hành thích hợp cả cấp quốc gia lẫn quốc tế, các Bên cam kết đẩy mạnh hoặc thiết lập các chương trình chung hoặc bổ sung để quan trắc có hệ thống

tình trạng tầng ôzôn và các tham số thích hợp khác, như nói rõ trong phụ lục I.

3. Các Bên cam kết hợp tác trực tiếp hoặc qua các cơ quan quốc tế có thẩm quyền, trong việc bảo đảm thu thập, làm cho có hiệu lực và truyền bá các nghiên cứu và số liệu quan trắc qua các trung tâm số liệu thế giới thích hợp theo một phương thức đều đặn và kịp thời.

Điều 4

HỢP TÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC PHÁP LÝ,

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

1. Các Bên sẽ tạo điều kiện dễ dàng và khuyến khích việc trao đổi thông tin khoa học, kỹ thuật, kinh tế-xã hội, thương mại và pháp lý thích hợp với Công ước này như nói rõ hơn trong phụ lục II. Những thông tin như vậy sẽ được cung cấp cho các tổ chức đã được các Bên đồng ý. Bất kỳ tổ chức nào như vậy nhận được thông tin, được coi là bí mật bởi một Bên cung cấp thông tin sẽ bảo đảm rằng thông tin ấy không được tiết lộ và sẽ tập hợp thông tin ấy để bảo vệ tính chất bí mật của nó trước khi đưa ra cho tất cả các Bên biết.

2. Các Bên sẽ hợp tác, tuân thủ theo các luật, quy tắc và thực tiễn quốc gia của mình và có tính đến đặc biệt là những nhu cầu của các nước đang phát triển, trong việc đẩy mạnh, trực tiếp hoặc qua các cơ quan quốc tế có thẩm quyền, việc phát triển và chuyển giao kỹ thuật và kiến thức. Sự hợp tác như vậy sẽ được thực hiện đặc biệt thông qua:

a) Việc tạo điều kiện dễ dàng để có được những kỹ thuật thay thế bởi các Bên khác;

b) Cung cấp thông tin về kỹ thuật và thiết bị thay thế và cung cấp các sách hướng dẫn đặc biệt cho các thứ đó;

c) Cung cấp thiết bị và phương tiện cần thiết để nghiên cứu và quan trắc có hệ thống;

d) Huấn luyện thích hợp các cán bộ khoa học và kỹ thuật.

Điều 5

TRUYỀN BÁ THÔNG TIN

Các Bên sẽ truyền bá thông qua Ban thư ký, đến Hội nghị các Bên thiết lập theo Điều 6, thông tin về các biện pháp do họ chấp nhận trong việc thi hành Công ước này và các Nghị định thư họ tham gia theo hình thức và những khoảng thời gian theo như các cuộc họp của các bên tham gia các văn kiện thích hợp có thể quyết định.

Điều 6

HỘI NGHỊ CỦA CÁC BÊN

1. Một Hội nghị của các Bên được thiết lập bằng cách như sau:

Cuộc họp đầu tiên của Hội nghị các Bên sẽ được triệu tập bởi Ban thư ký được chỉ định trên cơ sở lâm thời theo Điều 7 không muộn hơn một năm sau khi Công ước này có hiệu lực. Sau đó, các cuộc họp thường lệ của Hội nghị các

Bên sẽ được tổ chức vào những khoảng thời gian đều đặn được quyết định bởi Hội nghị tại cuộc họp đầu tiên của nó.

2. Các cuộc họp bất thường của Hội nghị các Bên sẽ được tổ chức vào những thời gian khác mà Hội nghị thấy là cần thiết, hoặc theo yêu cầu viết bằng văn bản của bất kỳ Bên nào, miễn là trong vòng 6 tháng yêu cầu đó được thông báo cho các Bên bởi Ban thư ký, nó được sự ủng hộ ít nhất một phần ba các Bên.

3. Bằng sự nhất trí, Hội nghị các Bên sẽ đồng ý và chấp nhận các quy tắc thủ tục và các quy tắc tài chính cho hội nghị và cho bất kỳ một nhóm công tác hỗ trợ nào do nó lập nên, cũng như các điều khoản về tài chính chi phối hoạt động của Ban thư ký.

4. Hội nghị các Bên sẽ thường xuyên xem xét lại các việc thi hành Công ước này và thêm vào đó sẽ:

a) Thiết lập hình thức và các khoảng thời gian để truyền bá thông tin được đệ trình phù hợp với Điều 5 và xem xét thông tin ấy cũng như các báo cáo do bất kỳ nhóm hỗ trợ nào nộp;

b) Xem xét lại thông tin khoa học về tầng ôzôn, về sự biến đổi có thể của nó và những ảnh hưởng có thể xảy ra của bất kỳ biến đổi nào như vậy;

c) Phù hợp với Điều 2, đẩy mạnh sự phối hợp các chính sách, chiến lược và biện pháp thích hợp để giảm đến tối thiểu sự phát các chất gây nên hoặc dễ gây nên sự biến đổi của tầng ôzôn và đưa ra những kiến nghị về bất kỳ biện pháp nào khác liên quan với Công ước này;

d) Phù hợp với Điều 3 và 4, chấp nhận các chương trình nghiên cứu, quan trắc hệ thống, hợp tác khoa học và kỹ thuật, trao đổi thông tin và chuyển giao kỹ thuật và kiến thức;

e) Xem xét và chấp nhận khi được yêu cầu, phù hợp với Điều 9 và 10, việc sửa đổi Công ước này và các phụ lục của nó;

f) Xem xét những sửa đổi đối với bất kỳ Nghị định thư nào, cũng như với bất kỳ phụ lục nào, và nếu quyết định như vậy, kiến nghị các bên chấp nhận đối với Nghị định thư liên quan;

g) Xem xét và chấp thuận theo như được yêu cầu, phù hợp với Điều 10, những phụ lục bổ sung cho Công ước này;

h) Xem xét và chấp nhận theo như được yêu cầu, những Nghị định thư phù hợp với Điều 8;

i) Thiết lập những nhóm hỗ trợ khi thấy cần thiết cho việc thi hành Công ước này;

j) Tuỳ từng trường hợp, dựa vào các cơ quan quốc tế có thẩm quyền và các Ủy ban khoa học, đặc biệt là Tổ chức khí tượng thế giới và Tổ chức y tế thế giới, cũng như Ủy ban phối hợp về tầng ôzôn để giải quyết về mặt nghiên cứu khoa học, quan trắc có hệ thống và các hoạt động khác phù hợp với những mục tiêu của Công ước này và vận dụng khi thích hợp thông tin từ các cơ quan và Ủy ban đó;

k) Xem xét và đảm nhiệm bất kỳ hành động bổ sung nào có thể được yêu cầu nhằm đạt sự thành công của các mục đích của Công ước này.

5. Liên hợp quốc, các cơ quan chuyên môn của nó và Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế, cũng như bất kỳ Nhà nước nào không phải là bên tham gia Công ước này, có thể có đại diện tại các cuộc họp của Hội nghị các Bên dưới dạng quan sát viên. Bất kỳ nhóm hoặc cơ quan nào, quốc gia hoặc quốc tế, Chính phủ hoặc phi Chính phủ có tư cách trong các lĩnh vực liên quan tới việc bảo vệ tầng ôzôn, khi đã báo cho Ban thư ký về ý muốn dự một cuộc họp của Hội nghị các Bên với tư cách quan sát viên có thể được chấp nhận trừ khi ít nhất một phần ba các Bên có mặt phản đối. Việc chấp nhận và tham gia của các quan sát viên có thể phụ thuộc vào các quy tắc thủ tục do Hội nghị các Bên chấp nhận.

Điều 7

BAN THƯ KÝ

1. Các chức năng của Ban thư ký sẽ là:

a) Thu xếp và phục vụ các cuộc họp nói trong Điều 6, 8, 9 và 10;

b) Chuẩn bị và truyền bá các báo cáo dựa trên thông tin nhận được phù hợp với các Điều 4 và 5 cũng như thông tin của các cuộc họp của các nhóm bổ sung được thiết lập theo Điều 6;

c) Thực hiện các chức năng được giao phó bởi bất kỳ Nghị định thư nào;

d) Chuẩn bị các báo cáo về các hoạt động của mình trong khi thi hành các chức năng theo Công ước này và trình bày chúng tại Hội nghị các Bên;

e) Bảo đảm sự phối hợp cần thiết với các cơ quan quốc tế thích hợp, đặc biệt là tham gia vào những dàn xếp có tính chất hành chính và hợp đồng nếu như được yêu cầu để hoàn thành một cách có hiệu quả các chức năng của mình;

f) Thực hiện các chức năng khác theo như Hội nghị các Bên quyết định.

2. Các chức năng Ban thư ký sẽ được Chương trình môi trường Liên hợp quốc thực hiện trên cơ sở lâm thời cho tới khi hoàn thành cuộc họp thường lệ đầu tiên của Hội nghị các Bên họp theo Điều 6. Tại cuộc họp thường lệ đầu tiên của mình, Hội nghị các Bên sẽ chỉ định Ban thư ký từ trong số những tổ chức quốc tế có thẩm quyền đang tồn tại tỏ ý muốn thực hiện các chức năng Ban thư ký theo Công ước này.

Điều 8

VIỆC CHẤP NHẬN CÁC NGHỊ ĐỊNH THƯ

1. Hội nghị các Bên trong một cuộc họp có thể chấp nhận các Nghị định thư theo Điều 2.

2. Văn bản đề nghị một Nghị định thư nào đó sẽ được Ban thư ký thông báo tới các bên ít nhất 6 tháng trước cuộc họp như vậy.

6

Điều 9

VIỆC SỬA ĐỔI CÔNG ƯỚC HAY CÁC NGHỊ ĐỊNH THƯ

1. Mỗi Bên có thể đề nghị các sửa đổi đối với Công ước này hoặc Nghị định thư bất kỳ. Những sửa đổi như vậy, ngoài những mặt khác, sẽ xem xét thích đáng các mặt khoa học và kỹ thuật.

2. Những sửa đổi đối với Công ước này sẽ được chấp nhận tại một cuộc họp của Hội nghị các Bên. Các sửa đổi đối với Nghị định thư bất kỳ sẽ được thông qua tại một cuộc họp các Bên của Nghị định thư đó. Văn bản của bất kỳ đề nghị sửa đổi nào đối với Công ước này hoặc Nghị định thư bất kỳ, trừ khi có thể được qui định khác trong Nghị định thư đó, sẽ được Ban thư ký thông báo đến các Bên ít nhất 6 tháng trước cuộc họp dự định thông qua sửa đổi đó. Ban thư ký cũng sẽ thông báo những đề nghị sửa đổi đến các bên ký Công ước này để biết.

3. Các Bên sẽ hết sức cố gắng đạt tới sự thoả thuận nhất trí về đề nghị sửa đổi đối với Công ước này. Nếu mọi nỗ lực để đi đến nhất trí đã kiệt và không đi đến thoả thuận, thì cách cuối cùng là việc sửa đổi sẽ được tán thành bằng cuộc bỏ phiếu với đa số ba phần tư các Bên có mặt tại cuộc họp và sẽ được Phòng lưu chiếu Công ước đệ trình các Bên để phê chuẩn, tán thành hoặc chấp thuận.

4. Thủ tục nêu trong mục 3 nói trên sẽ áp dụng cho các sửa đổi đối với bất kỳ Nghị định thư nào, trừ khi một đa số hai

phần ba các bên của Nghị định thư đó có mặt và bỏ phiếu tại cuộc họp đủ để thông qua các sửa đổi đó.

5. Việc phê chuẩn, tán thành hoặc chấp thuận các sửa đổi sẽ được thông báo cho Phòng lưu chiếu bằng văn bản. Những sửa đổi thông qua theo cách trong mục 3 hoặc 4 nói trên sẽ có hiệu lực giữa các bên đã chấp nhận các sửa đổi đó vào ngày thứ chín mươi sau khi Phòng lưu chiếu nhận được thông báo phê chuẩn, tán thành hoặc chấp nhận của ít nhất ba phần tư các Bên của Công ước đó hoặc ít nhất hai phần ba các Bên của Nghị định thư có liên quan trừ khi được qui định khác trong Nghị định thư. Do đó, các sửa đổi sẽ có hiệu lực đối với bất kỳ Bên nào khác vào ngày thứ chín mươi sau khi Bên đó gửi văn bản phê chuẩn, tán thành hoặc chấp thuận các sửa đổi.

6. Dành cho các mục đích của Điều này, “các Bên có mặt và bỏ phiếu” có nghĩa là các Bên có mặt và bỏ phiếu xác nhận hoặc phủ nhận.

Điều 10

THÔNG QUA VÀ SỬA ĐỔI CÁC PHỤ LỤC

1. Các phụ lục của Công ước này hoặc của bất kỳ Nghị định thư nào sẽ hình thành một phần kết cấu của Công ước đó hoặc Nghị định thư ấy, và trừ khi có những diễn giải khác, trong trường hợp này có thể là việc nói đến Công ước này hay các Nghị định thư của nó đồng thời có nghĩa là nói đến bất kỳ phụ lục nào liên quan. Các phụ

lục như vậy sẽ chỉ giới hạn ở những sự việc có tính chất khoa học, kỹ thuật và hành chính.

2. Trừ khi có qui định khác trong một Nghị định thư liên quan đến các phụ lục của nó, thủ tục sau đây sẽ áp dụng cho việc đề xuất, thông qua và có hiệu lực của các phụ lục của Công ước này hoặc của các phụ lục của một Nghị định thư:

a) Các phụ lục của Công ước này sẽ được đề xuất và thông qua theo thủ tục đặt ra ở Điều 9, mục 2 và 3, trong khi các phụ lục của bất kỳ Nghị định thư nào sẽ được đề xuất và thông qua theo thủ tục ở Điều 9, mục 2 và 4;

b) Một Bên nào đó không thể tán thành một phụ lục bổ sung của Công ước này hoặc một phụ lục của Nghị định thư nào đó mà Bên đó tham gia sẽ thông báo điều đó với Phòng lưu chiếu bằng văn bản trong vòng sáu tháng từ ngày Phòng lưu chiếu báo việc thông qua đó. Phòng lưu chiếu sẽ lập tức thông báo cho mọi Bên những thông tin nhận được như vậy. Mỗi Bên bất cứ lúc nào có thể thay việc tuyên bố phản đối trước kia bằng việc chấp thuận và các phụ lục do đó sẽ có hiệu lực đối với Bên đó;

c) Khi hết hạn sáu tháng tính từ ngày Phòng lưu chiếu thông báo, phụ lục sẽ có hiệu lực cho tất cả các Bên của Công ước này hoặc của Nghị định thư liên quan khi các bên đó không đệ trình thông báo theo điều khoản trong mục nhỏ (b) nói trên.

3. Việc đề xuất, thông qua và có hiệu lực của các sửa đổi trong phụ lục của Công ước này hoặc một Nghị định thư nào đó sẽ tuân theo cùng thủ tục như việc đề xuất, thông

qua và có hiệu lực của các phụ lục của Công ước hoặc các phụ lục của một Nghị định thư. Các phụ lục và các sửa đổi do đó sẽ tính đến, ngoài những điều khác, các xem xét khoa học và kỹ thuật thích hợp.

4. Nếu một phụ lục bổ sung hoặc sửa đổi phụ lục bao gồm sự sửa đổi Công ước này hoặc Nghị định thư bất kỳ, thì phụ lục bổ sung sẽ không có hiệu lực cho tới khi việc sửa đổi Công ước này hoặc Nghị định thư liên quan có hiệu lực.

Điều 11

DÀN XẾP CÁC TRANH CÃI

1. Trong sự kiện có tranh cãi giữa các Bên liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này, các bên liên quan sẽ tìm giải pháp bằng thương lượng.

2. Nếu các Bên liên quan không thể đi tới sự thoả thuận bằng thương lượng, họ có thể cùng nhau tìm viên chức giải hoặc nhờ sự trung gian của một phía thứ ba.

3. Khi phê chuẩn, chấp thuận, tán thành hoặc tham gia vào Công ước này, hoặc vào bất cứ lúc nào sau đó, một quốc gia hoặc tổ chức tổng hợp kinh tế khu vực có thể tuyên bố bằng văn bản với Phòng lưu chiếu rằng: đối với cuộc tranh cãi không được giải quyết theo mục 1 hoặc 2 nói trên, chấp thuận một hoặc cả hai biện pháp dàn xếp tranh cãi sau đây, coi như là bắt buộc:

a) Trọng tài phân xử theo các thủ tục được thông qua bởi Hội nghị các Bên trong phiên họp thường lệ đầu tiên;

b) Đề trình việc tranh cãi lên Tòa án quốc tế.

4. Nếu các bên, theo mục 3 nói trên, không chấp thuận thủ tục như vậy hoặc thủ tục bất kỳ nào, việc tranh cãi sẽ được đệ trình để hoà giải theo mục 5 dưới đây trừ khi các Bên đồng ý theo cách khác.

5. Một Ủy ban hoà giải sẽ được thiết lập theo yêu cầu của một trong các Bên tranh cãi. Ủy ban sẽ bao gồm số thành viên ngang nhau do mỗi Bên liên quan chỉ định và một Chủ tịch được chọn bởi các thành viên do mỗi Bên chỉ định. Ủy ban sẽ đưa ra quyết định cuối cùng và có tính chất kiến nghị để các Bên sẽ xem xét với thiện chí.

6. Các khoản của Điều này sẽ áp dụng đối với bất kỳ Nghị định thư nào trừ khi có qui định khác trong Nghị định thư có liên quan.

Điều 12

KÝ

Công ước này sẽ được đề ngỏ để các quốc gia và các tổ chức kinh tế tổng hợp khu vực ký tại Bộ Ngoại giao Liên bang của nước Cộng hoà Áo ở Viên từ 22 tháng 3 năm 1985 tới 21 tháng 9 năm 1985 và tại trụ sở Liên hợp quốc ở Niu Óc từ 22 tháng 9 năm 1985 tới 21 tháng 3 năm 1986.

Điều 13

PHÊ CHUẨN, CHẤP THUẬN HOẶC TÁN THÀNH

1. Công ước này và bất kỳ Nghị định thư nào sẽ được đưa ra phê chuẩn, chấp thuận hoặc tán thành bởi các quốc gia và các tổ chức tổng hợp kinh tế khu vực. Các văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc tán thành sẽ được gửi ở Phòng lưu chiếu.
2. Bất kỳ tổ chức nào được nói tới trong mục 1 ở trên trở thành một Bên của Công ước này hoặc bất kỳ một Nghị định thư nào trong điều kiện không có các nước thành viên của tổ chức đó là một Bên cũng sẽ chịu ràng buộc bởi tất cả các nghĩa vụ theo Công ước hoặc Nghị định thư tùy theo từng trường hợp. Trong trường hợp các tổ chức có một hoặc nhiều nước thành viên của mình tham gia Công ước hoặc Nghị định thư thích hợp thì tổ chức đó và các nước thành viên của nó sẽ quyết định về các trách nhiệm tương ứng để thực hành nghĩa vụ của mình theo Công ước hoặc Nghị định thư tùy từng trường hợp. Trong các trường hợp như vậy tổ chức đó và các nước thành viên sẽ không được sử dụng đồng thời các quyền hạn theo Công ước hoặc Nghị định thư tương ứng.
3. Trong các văn bản của mình về việc phê chuẩn, chấp thuận hoặc tán thành, các tổ chức nói tới trong mục 1 ở trên sẽ tuyên bố phạm vi thẩm quyền của họ về các vấn đề chi phối bởi Công ước hoặc Nghị định thư thích hợp. Các tổ chức này sẽ cũng thông báo cho Phòng lưu chiếu bất kỳ sửa đổi thực sự nào trong phạm vi thẩm quyền của mình.

Điều 14

GIA NHẬP

1. Công ước này và bất kỳ Nghị định thư nào sẽ được đề nghị cho các quốc gia và các tổ chức tổng hợp kinh tế khu vực gia nhập tính từ ngày Công ước hoặc Nghị định thư hết hạn để ký. Các văn kiện gia nhập sẽ được gửi ở Phòng lưu chiếu.
2. Trong các văn kiện gia nhập, các tổ chức được nói tới trong mục 1 ở trên sẽ tuyên bố phạm vi thẩm quyền của mình đối với các vấn đề thuộc Công ước hoặc Nghị định thư thích hợp. Các tổ chức này cũng sẽ thông báo cho Phòng lưu chiếu về sửa đổi thực sự nào trong phạm vi thẩm quyền của mình.
3. Các khoản của Điều 13, mục 2 sẽ áp dụng cho các tổ chức tổng hợp kinh tế khu vực gia nhập Công ước này hoặc bất kỳ Nghị định thư nào.

Điều 15

QUYỀN BỎ PHIẾU

1. Mỗi Bên của Công ước này hoặc bất kỳ Nghị định thư nào sẽ có một phiếu bầu.
2. Trừ trường hợp đã nói đến trong mục 1 trên, các tổ chức tổng hợp kinh tế khu vực, trong các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, sẽ thực hiện quyền bỏ phiếu với một số phiếu bằng số nước thành viên của mình vốn là các Bên của Công ước hoặc Nghị định thư tương ứng. Những tổ chức như vậy sẽ không thực hiện quyền bỏ phiếu nếu các nước thành viên thực hiện quyền của họ và ngược lại.

Điều 16

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG ƯỚC VÀ CÁC NGHỊ ĐỊNH THƯ CỦA CÔNG ƯỚC

1. Một quốc gia hoặc một tổ chức tổng hợp kinh tế khu vực không thể trở thành một Bên của một Nghị định thư trừ khi nó là hoặc trở thành đồng thời một Bên của Công ước.
2. Những quyết định liên quan đến bất kỳ một Nghị định thư nào sẽ chỉ được đưa ra bởi các Bên của Nghị định thư liên quan.

Điều 17

VIỆC BẮT ĐẦU CÓ HIỆU LỰC

1. Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày thứ chín mươi sau ngày gửi văn bản thứ hai mươi phê chuẩn, chấp thuận, tán thành hoặc gia nhập.
2. Bất kỳ Nghị định thư nào, trừ khi có qui định khác trong Nghị định thư đó sẽ có hiệu lực vào ngày thứ chín mươi sau ngày gửi văn bản thứ 11 phê chuẩn, chấp thuận, tán thành hay gia nhập Nghị định thư ấy.
3. Đối với mỗi Bên phê chuẩn, chấp thuận hoặc tán thành Công ước này hay gia nhập vào sau đó sau khi gửi văn bản thứ 20 phê chuẩn, chấp thuận, tán thành hoặc gia nhập, nó sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 90 sau ngày Bên đó gửi văn bản phê chuẩn, chấp thuận, tán thành hay gia nhập.
4. Bất kỳ Nghị định thư nào, trừ khi có qui định khác trong Nghị định thư đó, sẽ có hiệu lực đối với bên phê chuẩn, chấp thuận hoặc tán thành Nghị định thư đó hoặc gia nhập

vào đó sau khi nó có hiệu lực theo mục 2 nói trên, vào ngày thứ 90 sau ngày bên đó gửi văn bản phê chuẩn, chấp thuận, tán thành hoặc gia nhập, hoặc vào ngày mà Công ước có hiệu lực cho Bên đó.

5. Vì những mục đích của mục 1 và 2 nói trên, bất kỳ văn bản nào được gửi bởi một tổ chức tổng hợp kinh tế khu vực sẽ không được coi như bổ sung cho những văn bản ký gửi bởi các nước thành viên của tổ chức ấy.

Điều 18

CÁC BẢO LƯU

Không có bảo lưu nào cho Công ước này.

Điều 19

RÚT KHỎI CÔNG ƯỚC

1. Vào bất cứ lúc nào sau 4 năm từ ngày Công ước này có hiệu lực cho một Bên, Bên đó có thể rút khỏi Công ước bằng văn bản thông báo cho Phòng lưu trữ.
2. Trừ khi có qui định khác trong một Nghị định thư, vào bất cứ lúc nào sau bốn năm tính từ ngày Nghị định thư có hiệu lực cho một bên, bên đó có thể rút khỏi Công ước bằng văn bản thông báo cho Phòng lưu trữ.
3. Bất kỳ sự rút khỏi nào sẽ có hiệu lực sau một năm tính từ ngày Phòng lưu trữ nhận thông báo, hoặc vào ngày muộn hơn định rõ trong thông báo rút.
4. Bất kỳ Bên nào rút khỏi Công ước này cũng sẽ được coi như rút khỏi bất kỳ Nghị định thư mà bên đó tham gia.

Điều 20
PHÒNG LƯU CHIẾU

1. Ông Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ làm chức năng lưu chiếu Công ước này và các Nghị định thư.

2. Phòng lưu chiếu sẽ báo cáo cho các Bên đặc biệt về:

a) Việc ký công ước này và bất kỳ Nghị định thư nào, về việc gửi các văn bản phê chuẩn, chấp thuận, tán thành hoặc gia nhập theo các Điều 13 và 14.

b) Ngày Công ước và Nghị định thư bất kỳ sẽ có hiệu lực theo Điều 17;

c) Các thông báo rút khỏi thực hiện theo Điều 19;

d) Các sửa đổi được thông qua đối với các Công ước và Nghị định thư bất kỳ, việc các bên chấp thuận chúng và ngày có hiệu lực theo Điều 9;

e) Tất cả các thông báo liên quan tới việc thông qua và tán thành các phụ lục và việc sửa đổi các phụ lục theo Điều 10;

f) Các thông báo của các tổ chức tổng hợp kinh tế khu vực về phạm vi quyền hạn của mình về các vấn đề bao hàm trong Công ước này và các Nghị định thư bất kỳ về sửa đổi nào trong đó;

g) Các tuyên bố thực hiện theo Điều 11, mục 3.

Điều 21

CÁC VĂN BẢN XÁC THỰC

Bản gốc của Công ước này, trong đó các văn bản bằng các thứ tiếng Ả Rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha đều xác thực, sẽ được trao cho ông Tổng thư ký của Liên hợp quốc lưu giữ.

Những người được uỷ quyền đã chứng kiến và ký công ước này dưới đây.

Làm tại Viên

vào ngày 22 tháng 3 năm 1985

Phụ lục I

NGHIÊN CỨU VÀ QUAN TRẮC CÓ HỆ THỐNG

1. Các Bên của Công ước nhận thấy rằng những vấn đề khoa học lớn là:

a) Sự biến đổi của tầng ôzôn sẽ dẫn tới sự thay đổi lượng bức xạ tử ngoại của mặt trời có những tác động sinh học (UV-B) tới bề mặt trái đất và những hậu quả tiềm tàng đối với sức khoẻ con người, đối với các sinh vật, các hệ sinh thái và các vật liệu có ích cho con người;

b) Sự biến đổi phân bố theo chiều thẳng đứng của ôzôn, có thể làm thay đổi cấu trúc nhiệt độ của khí quyển và những hậu quả tiềm tàng đối với thời tiết và khí hậu.

2. Các Bên của Công ước, theo Điều 3, sẽ hợp tác tiến hành nghiên cứu và quan trắc có hệ thống và đưa ra những kiến nghị về nghiên cứu và quan trắc trong tương lai trong các lĩnh vực như:

a) Nghiên cứu vật lý và hoá học của khí quyển

i) Các mô hình lý thuyết toàn diện: phát triển hơn nữa các mô hình có xem xét đến sự tương tác giữa các quá trình bức xạ, động lực và hoá học; các nghiên cứu về tác động đồng thời của các loại diễn biến tự nhiên và do con người gây nên đối với ôzôn trong khí quyển;

giải thích các bộ số liệu đo bằng vệ tinh và không vệ tinh; đánh giá các khuynh hướng của các tham số địa lý và khí quyển và phát triển các phương pháp tìm các nguyên nhân đặc biệt của những biến đổi trong các tham số đó;

ii) Các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm về: các hệ số tỷ lệ, các mặt cắt hấp thụ và các cơ chế của các quá trình quang hoá tầng bình lưu và đối lưu; số liệu quang phổ trợ lực cho các đo đạc thực địa ở tất cả các vùng phổ thích hợp;

iii) Các đo đạc thực địa: nồng độ và thông lượng các khí nguồn chủ chốt có nguồn gốc tự nhiên cũng như do con người gây nên; các nghiên cứu động lực khí quyển; các đo đạc đồng thời về các loại liên quan đến quang hoá đến tận tầng biên hành tinh, dùng các máy móc đo tại chỗ và viễn thám; so sánh các bộ cảm ứng khác nhau, kể cả các số đo tương quan phối hợp với thiết bị vệ tinh; các trường ba chiều của các thành phần vệt khí quyển chủ chốt, thông lượng phổ mặt trời và các tham số khí tượng;

iv) Phát triển thiết bị, bao gồm các bộ cảm ứng vệ tinh và không vệ tinh về các thành phần vệt khí quyển, thông lượng mặt trời và các tham số khí tượng.

b) Nghiên cứu về các ảnh hưởng suy biến quang học, sinh học và y tế

i) Mối quan hệ giữa con người và bức xạ tử ngoại và bức xạ thấy được của mặt trời và (a) sự phát triển ung thư da hắc tố và không hắc tố và (b) các ảnh hưởng đến hệ thống miễn dịch;

ii) Các ảnh hưởng của bức xạ UV-B, bao gồm sự phụ thuộc độ dài sóng đối với (a) các cây nông nghiệp, rừng và các hệ sinh thái trái đất khác và (b) mảng thủy sản và nghề cá cũng như có thể có cản trở sự sản xuất oxi của phù du thực vật biển;

iii) Các cơ chế tác động của UV-B lên các vật liệu sinh học, các loài và các hệ sinh thái, bao gồm: mối quan hệ giữa liều lượng, tỷ lệ liều lượng và sự phản ứng, sửa chữa quang học, sự thích ứng và bảo vệ;

iv) Các nghiên cứu về phổ tác động sinh học và sự phản ứng phổ sử dụng bức xạ đa sắc để có thể bao hàm các tương tác có thể của các vùng độ dài sóng khác nhau;

v) Ảnh hưởng của bức xạ UV-B đối với độ nhạy và hoạt động của các loài sinh vật quan trọng đối với cân bằng sinh quyển, các quá trình sơ cấp như quang hợp và tổng hợp sinh học;

vi) Ảnh hưởng của bức xạ UV-B lên sự suy thoái quang học của các chất nhiễm bẩn, các hoá chất nông nghiệp và các vật liệu khác;

c) Nghiên cứu về các ảnh hưởng đối với khí hậu

i) Các nghiên cứu lý thuyết và quan trắc về các ảnh hưởng bức xạ của ôzôn và các loại vết khác và tác

động đối với các thông số khí hậu, như nhiệt độ bề mặt đại dương và đất liền, các mô hình giáng thủy, sự trao đổi giữa tầng đối lưu và bình lưu;

ii) Khảo sát các ảnh hưởng của những tác động khí hậu ấy đối với các mặt khác nhau của hoạt động con người.

d) Các quan trắc hệ thống về:

i) Tình trạng của tầng ôzôn (tức là biến thiên không gian và thời gian của tổng lượng cột và phân bố thẳng đứng) bằng cách cho hoạt động đầy đủ hệ thống quan trắc ôzôn toàn cầu, dựa trên sự kết hợp các hệ thống vệ tinh và mặt đất;

ii) Nồng độ tầng bình lưu và đối lưu của các khí nguồn đối với HO_x , NO_x , ClO_x và các họ cacbon;

iii) Nhiệt độ từ mặt đất tới tầng giữa, sử dụng cả các hệ thống vệ tinh lẫn mặt đất;

iv) Thông lượng đến từ mặt trời phân giải theo độ dài sóng và bức xạ nhiệt đi khỏi khí quyển của trái đất, sử dụng các cách đo bằng vệ tinh;

v) Thông lượng mặt trời phân giải theo độ dài sóng đến mặt trái đất trong phạm vi tử ngoại có tác động sinh học (UV-B);

vi) Các tính chất và sự phân bố sol khí từ mặt đất tới tầng giữa sử dụng các hệ thống vệ tinh cao không và mặt đất;

vii) Các biến quan trọng về khí hậu bằng cách duy trì các chương trình đo đạc bề mặt khí tượng chất lượng cao;

viii) Các loại vết, nhiệt độ, thông lượng mặt trời và các sol khí sử dụng các phương pháp cải tiến về phân tích số liệu toàn cầu.

3. Các Bên của Công ước sẽ hợp tác, có tính đến các nhu cầu đặc biệt của các nước đang phát triển trong việc đẩy mạnh việc đào tạo khoa học và kỹ thuật thích hợp cần thiết cho việc tham gia vào việc nghiên cứu và quan trắc có hệ thống vạch ra trong phụ lục này. Cần đặc biệt nhấn mạnh việc kiểm định các dụng cụ quan trắc và phương pháp nhằm có được các tập số liệu khoa học tiêu chuẩn hoá hoặc so sánh được.

4. Các hoá chất sau đây có nguồn gốc tự nhiên hoặc do con người, không được liệt kê theo thứ tự ưu tiên, được coi là có khả năng làm thay đổi các tính chất lý hoá của tầng ôzôn.

a) Các chất cacbon

i) Ôxít cacbon (CO)

Ôxít cacbon có các nguồn gốc đáng kể do con người và tự nhiên và được cho là đóng một vai trò trực tiếp to lớn trong quang hoá tầng đối lưu và một vai trò gián tiếp trong quang hoá tầng bình lưu.

ii) Đioxit cacbon (CO₂)

Đioxit cacbon có các nguồn gốc đáng kể do con người và tự nhiên và ảnh hưởng đến ôzôn tầng bình lưu thông qua ảnh hưởng đến cấu trúc nhiệt của khí quyển.

iii) Mêtan (CH₄)

Mêtan vừa có nguồn gốc do con người lẫn tự nhiên và ảnh hưởng đến cả ôzôn tầng bình lưu và đối lưu.

iv) Các loại hydrocacbon không mêtan

Các loại hydrocacbon không mêtan bao gồm một số lớn các hoá chất, vừa có nguồn gốc do con người lẫn tự nhiên và đóng một vai trò trực tiếp trong quang hoá tầng đối lưu và vai trò gián tiếp trong quang hoá tầng bình lưu.

b) Các chất nitơ

i) Ôxít nitơ (N₂O)

Các nguồn chiếm ưu thế của N₂O là tự nhiên, nhưng những đóng góp do con người đang trở nên ngày càng quan trọng. Ôxít nitơ là nguồn sơ cấp của NO_x tầng bình lưu, đóng vai trò cốt yếu trong việc kiểm soát sự phong phú của ôzôn tầng bình lưu.

ii) Các ôxít nitơ (NO_x)

Các nguồn ở mức mặt đất của NO_x đóng một vai trò trực tiếp to lớn chỉ trong các quá trình quang hoá tầng đối lưu và một vai trò gián tiếp trong quang hoá

tầng bình lưu, nhưng việc đưa NO_x vào sát đối lưu hạn có thể dẫn trực tiếp tới sự thay đổi ôzôn trong tầng đối lưu trên và tầng bình lưu.

c) Các chất clo

i) Các ancan halôgen hoá hoàn toàn, ví dụ như CCl₄, CFCl₃ (CFC-11), CF₂Cl₂(CFC-12), C₂F₃Cl₃ (CFC-113), C₂F₄Cl₂(CFC-114).

Các ancan halôgen hoá hoàn toàn có nguồn gốc con người và tác động như một nguồn ClO_x, đóng một vai trò cốt yếu trong quang hoá ôzôn, đặc biệt trong các vùng cao 30-50 km.

ii) Các ancan halôgen hoá không hoàn toàn, ví dụ như CH₃Cl, CHF₂Cl(CFC-22), CH₃CCl₃, CHFCl₂(CFC-21).

Các nguồn CH₃Cl là tự nhiên, nhưng các ancan halôgen hoá không hoàn toàn nói trên có nguồn gốc con người. Các chất khí đó cũng tác động như một nguồn ClO_x tầng bình lưu.

d) Các chất brom

Các ancan halôgen hoá hoàn toàn, ví dụ CF₃Br

Các chất khí này có nguồn gốc con người và tác động như một nguồn của BrO_x, có tính cách tương tự ClO_x.

e) Các chất hydro

i) Hydrô (H₂)

Hydro có nguồn là tự nhiên và do con người, đóng một vai trò nhỏ trong quang hóa tầng bình lưu.

ii) Nước (H₂O)

Nước có nguồn tự nhiên, đóng vai trò cốt yếu cả trong quang hoá tầng bình lưu lẫn đối lưu. Các nguồn có tính địa phương của hơi nước trong tầng bình lưu bao gồm sự ôxy hoá mêtan và ở mức độ thấp hơn là ôxy hoá hydro.

Phụ lục II

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Các Bên của Công ước nhận thấy rằng việc thu thập và chia sẻ thông tin là một phương tiện quan trọng của việc thi hành các mục tiêu của Công ước này và bảo đảm rằng bất kỳ hành động nào có thể thực hiện là thích hợp và công bằng. Do đó, các Bên sẽ trao đổi thông tin khoa học, kỹ thuật, kinh tế - xã hội, kinh doanh, thương mại và pháp lý.
2. Các Bên của Công ước này, trong khi quyết định xem loại thông tin nào được thu thập và trao đổi, phải tính đến tính lợi ích của thông tin và các chi phí để có được nó. Các Bên nhận thấy hơn nữa rằng sự hợp tác theo phụ lục này phải phù hợp với các luật, điều lệ và thực tiễn của quốc gia về bản quyền, các bí mật buôn bán, và bảo vệ thông tin có tính chất sở hữu và bí mật.

3. Thông tin khoa học

Bao gồm thông tin về:

a) Nghiên cứu theo kế hoạch và đang tiến hành, vừa có tính chất Chính phủ lẫn tư nhân, tạo điều kiện dễ dàng cho việc điều phối các chương trình nghiên cứu sao cho có hiệu quả nhất các nguồn quốc tế và quốc gia có được;

b) Các số liệu về phát thải cần thiết cho nghiên cứu;

c) Các kết quả khoa học công bố trong sách báo chuyên khảo về kiến thức vật lý và hoá học của khí quyển trái đất và tính nhạy cảm của nó đối với sự biến đổi, đặc biệt về trạng thái của tầng ôzôn và những ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, môi trường và khí hậu có thể là kết quả của những biến đổi ở mọi quy mô thời gian hoặc trong tổng lượng cột hoặc phân bố thẳng đứng của ôzôn;

d) Việc đánh giá những kết quả nghiên cứu và những kiến nghị về nghiên cứu tương lai.

4. Thông tin kỹ thuật

Bao gồm thông tin về:

a) Việc có được và chi phí của các hoá chất thay thế hoặc các kỹ thuật thay thế để giảm phát thải các chất làm thay đổi tầng ôzôn và nghiên cứu đang tiến hành và theo kế hoạch liên quan;

b) Những hạn chế và bất kỳ nguy cơ nào trong việc sử dụng hoá chất thay thế hoặc chất khác và các kỹ thuật thay thế.

5. Thông tin thương mại và kinh tế - xã hội về các chất nói tới trong phụ lục I.

Bao gồm thông tin về:

a) Sản xuất và khả năng sản xuất;

b) Sử dụng và các mô hình sử dụng;

c) Nhập, xuất khẩu;

d) Các chi phí, nguy cơ và lợi ích của các hoạt động con người có thể thay đổi gián tiếp tầng ôzôn và những ảnh hưởng của các hành động điều chỉnh hoặc được xem xét để kiểm soát các hoạt động đó.

6. Thông tin pháp lý

Bao gồm thông tin về:

a) Các luật quốc gia, các biện pháp hành chính và nghiên cứu pháp lý phù hợp với việc bảo vệ tầng ôzôn;

b) Các hiệp ước quốc tế, bao gồm các hiệp ước tay đôi, phù hợp với việc bảo vệ tầng ôzôn;

c) Các phương pháp và điều khoản cấp giấy phép và có được bằng phát minh phù hợp với việc bảo vệ tầng ôzôn.